

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2020/KDTM-PT

Ngày: 27/06/2020

V/v: tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Minh Thành

*Các Thẩm phán:*

Bà Ngô Tuyết Băng

Ông Lê Thanh Bình

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Thị Giang- Thư ký Tòa án.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:*

Ông Trần Văn Lùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 89/2020/KTPT ngày 11/3/2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 205/2020/QĐXX-PT ngày 20/05/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 260/2020/QĐ-HPT ngày 08/6/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 297/2020/QĐ-HPT ngày 17/6/2020 giữa:

\* *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP D (nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV D)  
Địa chỉ trụ sở chính: Toà nhà C, số 109 T, quận H, thành phố Hà Nội;  
Đại diện theo pháp luật: ông Phạm Huy T; Đại diện theo ủy quyền:  
Ông Lưu Ngọc V - Trưởng phòng giao dịch P - G chi nhánh Hà Nội;  
ông V có mặt.

\* *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1984 và Chị Phí Hồng T, sinh năm 1983.  
HKTT: Khôi B, phường V, quận H, thành phố Hà Nội; anh H, chị T vắng mặt.

\* *Người có quyền lợi  
nghĩa vụ liên quan:* 1. Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phí Kim M (chết ngày 30/3/2018):

1.1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1954;

1.2. Anh Phí Kim L, sinh năm 1988;

1.3. Chị Phí Thị Thanh H, sinh năm 1979;

1.4. Chị Phí Hồng T, sinh năm 1983;

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1954;

3. Anh Phí Kim L, sinh năm 1988;

Đều có HKTT: số 69 phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội;

Hiện có chỗ ở tại: P4-D2, tập thể V, phường V, quận Đ, thành phố Hà

Nội. Bà T1 có mặt; chị T, chị H, anh L vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm, vụ án có nội dung như sau:

1. Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng TMCP D và Anh Đỗ Văn H , Chị Phí Hồng T đã ký hợp đồng tín dụng, chi tiết như sau:

- Số HĐTD: 013/0491/HĐTD/GPB- SGD/2011 ngày 27/6/2011.
- Số tiền vay : 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng chẵn)
- Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên.
- Mục đích: Bổ sung vốn lưu động cho hộ kinh doanh cá thể.
- Lãi suất vay: Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 23,5%/năm; lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/1 lần vào ngày mùng 10 hàng tháng bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng cuối kỳ cộng (+) biên độ theo quy định của GP.banhhk tại thời điểm điều chỉnh
- Tài sản bảo đảm: Là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 7H-III-39, có địa chỉ tại P4-D2, tập thể V, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109072814, do UBND quận Đ , TP Hà Nội cấp ngày 25/3/2004, đứng tên ông Phí Kim M và Bà Nguyễn Thị T1, diện tích đất 40.30m<sup>2</sup>.

- Chi tiết về tài sản, quyền hạn và nghĩa vụ của các bên thực hiện theo:

Nội dung thế chấp được quy định trong hợp đồng thế chấp, công chứng số 011547/2011, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 23/6/2011 tại Văn phòng công chứng H , bên thế chấp là ông Phí Kim M , Bà Nguyễn Thị T1; để bảo đảm khoản vay của Anh Đỗ Văn H , Chị Phí Hồng T tại Ngân hàng . Tài sản bảo đảm được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Phòng Tài nguyên môi trường quận Đ , thành phố Hà Nội ngày 27/6/2011.

Thực hiện hợp đồng tín dụng số 013/0491/HĐTD/GPB- SGD/2011 ngày 27/6/2011, Ngân hàng đã giải ngân cho Anh Đỗ Văn H và Chị Phí Hồng T vay bằng Khế ước nhận nợ số 013/0491/HĐTD/GPB- SGD/2011 ngày 27/6/2011, số tiền vay 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng)

Trong quá trình vay, từ ngày 27/6/2011 đến nay, Anh Đỗ Văn H và Chị Phí Hồng T đã trả cho Ngân hàng số tiền là:

- Trả nợ gốc : 0 đồng;
- Trả tiền lãi: 147.217.148 đồng (gồm lãi trong hạn 146.779.179 đồng; lãi quá hạn 437.969 đồng).

Tổng cộng số tiền đã thanh toán: 147.217.148 đồng.

Anh Đỗ Văn H và Chị Phí Hồng T vi phạm nghĩa vụ trả nợ lãi từ tháng 03/2012. Tính đến ngày 25/01/2016 ông Hải, bà Trang còn nợ Ngân hàng các khoản sau:

- Nợ gốc: 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng);
- Nợ lãi: 2.890.620.224 đồng (trong đó: lãi trong hạn là 325.503.043 đồng, lãi quá hạn là 2.565.117.181 đồng)

- Tổng dư nợ: 4.890.620.224 đồng (bốn tỷ tám trăm chín mươi triệu, sáu trăm hai mươi ngàn, hai trăm hai bốn đồng)

Ngân hàng (nay là Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên D) - tên viết tắt là GP đề nghị Tòa án xem xét giải quyết những yêu cầu sau:

1. Buộc Anh Đỗ Văn H và Chị Phí Hồng T thanh toán trả Ngân hàng số tiền: 4.890.620.224 đồng, bao gồm: 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) nợ gốc, 2.890.620.224 đồng ( hai tỷ tám trăm chín mươi triệu, sáu trăm hai mươi ngàn, hai trăm hai bốn đồng) nợ lãi tính đến hết ngày 25/01/2016; và khoản tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết

2. Trường hợp anh H, chị T không thanh toán được khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

**Bị đơn là Anh Đỗ Văn H trình bày:** Vợ chồng tôi có ký Hợp đồng tín dụng số 013/0491/HĐTD/GPB- SGD/2011 ngày 27/6/2011 vay Ngân hàng TMCP D 2.000.000.000 đồng với tài sản bảo đảm là nhà đất của ông M , Bà T1 như Ngân hàng trình bày. Đến nay vợ chồng tôi đã trả được 05 tháng tiền lãi. Từ tháng 4/2012 do làm ăn khó khăn chúng tôi không có khả năng thanh toán. Nay quan điểm của chúng tôi là: Tình hình kinh tế chúng tôi hiện rất khó khăn, nên chúng tôi đề nghị Ngân hàng miễn cho chúng tôi toàn bộ khoản nợ lãi. Về số nợ gốc, chúng tôi xin thanh toán toàn bộ khoản nợ gốc trong thời hạn đến hết tháng 10/2015, tất toán khoản nợ gốc chậm nhất vào ngày 31/10/2015.

Đề nghị phía Ngân hàng nhất trí tạo điều kiện cho chúng tôi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông M , Bà T1 trình bày: Ông bà có thể chấp tài sản là nhà đất tại P4 - D2, tập thể V, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội cho Ngân hàng để đảm bảo khoản vay 2.000.000.0000 đồng cho 02 con là Đỗ Văn H và Phí Hồng T. Nay tình hình kinh tế suy thoái, 02 con của ông bà chưa thanh toán được. Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện để vợ chồng Hải Trang thanh toán được khoản nợ nêu trên.

Về tài sản thế chấp: Hiện trạng tài sản không có gì thay đổi từ khi ký hợp đồng thế chấp đến nay; ông M Bà T1 không sử dụng tài sản thế chấp vào bất cứ giao dịch dân sự nào khác; toàn bộ tài sản trên đất là do vợ chồng ông M Bà T1 xây dựng, không có công sức đóng góp của người nào khác

**Những người đang trực tiếp sinh sống tại nhà đất thế chấp gồm:**

1. Ông Phí Kim M , sinh năm 1953
2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1954
3. Anh Phí Kim L , sinh ngày 30/6/1988 (con trai ông M bà T1 )

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Chị Phí Hồng T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Anh Phí Kim L không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, không có ý kiến gửi Tòa án.

**\* Quá trình giải quyết tại Tòa án:**

- Tại Bản án số 02/2016/DS-ST ngày 25/1/2016 đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc Anh Đỗ Văn H và Chị Phí Hồng T có trách nhiệm thanh toán trả nguyên đơn nợ gốc, lãi còn nợ theo Hợp đồng tín dụng

số 013/0491/HĐTD/GPB- SGD/2011 ngày 27/6/2011. Trường hợp ông Hải bà Trang không trả được nợ, Nguyên đơn có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án tiền hành xử lý tài sản bảo đảm.

- Bản án số 112/2016/DSPT ngày 30/6/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên hủy bản án số 02/2016/DS-ST ngày 25/1/2016 của Tòa án nhân dân quận H với nhận định: tranh chấp Hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn với anh H, chị T là tranh chấp kinh doanh thương mại; cấp sơ thẩm xác định là tranh chấp dân sự, xác định thẩm quyền, luật điều chỉnh theo quy định giải quyết vụ án dân sự là không đúng.

- Ngày 22/2/2017, Tòa án nhân dân quận H ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại số 01/2017/QĐST-KDTM với nhận định vụ án không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận H do: Tại thời điểm nguyên đơn ký hợp đồng tín dụng với Anh Đỗ Văn H và Chị Phí Hồng T; anh H chị T là hộ kinh doanh có địa chỉ kinh doanh tại P113, nhà A11, phường T, quận TX, Hà Nội.

- Tại Quyết định số 41/2017/QĐ-PT ngày 06/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã tuyên hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án kinh doanh thương mại số 01/2017/QĐST-KDTM của Tòa án nhân dân quận H với nhận định: Quyết định đình chỉ xác định vụ án không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận H là trái với quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 192; điểm a khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vụ án được Tòa án nhân dân quận H thụ lý lại theo thủ tục sơ thẩm.

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu buộc Anh Đỗ Văn H và Chị Phí Hồng T tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến hết ngày 06/11/2019 là 7.561.816.518đồng (trong đó: nợ gốc 2.000.000.000đồng; lãi trong hạn: 325.503.043đồng; lãi quá hạn: 5.236.313.475đồng). Anh H, chị T tiếp tục phải thanh toán nợ gốc, lãi quá hạn theo lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày 06/11/2019 cho đến khi thanh toán xong.

Trường hợp Anh Đỗ Văn H và Chị Phí Hồng T không thanh toán toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mại tài sản bảo đảm là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, diện tích đất 40.30m<sup>2</sup>, tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 7H-III-39, có địa chỉ tại P4-D2, tập thể V, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109072814, do UBND quận Đ, TP Hà Nội cấp ngày 25/3/2004, đứng tên ông Phí Kim M và Bà Nguyễn Thị T1 để thu hồi nợ.

Anh Đỗ Văn H và Chị Phí Hồng T không cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ, không đến tòa án làm việc. Theo xác minh tại địa phương, anh H vẫn ăn ở sinh sống tại địa chỉ đăng ký hộ khẩu, chị T thì vẫn qua lại nhưng không ở lại.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Phí Kim M, Bà Nguyễn Thị T1, Anh Phí Kim L không cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ, không đến tòa án làm việc. Ông Phí Kim M chết ngày 30/3/2018 có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là: Bà Nguyễn Thị T1, Anh Phí Kim L, Chị Phí Thị Thanh H, Chị Phí Hồng T. Tòa án đã ra thông báo yêu cầu cung cấp lời khai, tài liệu, địa chỉ cư trú của người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông M nhưng Bà T1 và các đương sự không thực hiện.

Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 23/8/2019 đối với tài sản bảo đảm là nhà, đất tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 7H-III-39, có địa chỉ P4-D2, tập thể V, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội. Hiện trạng sử dụng nhà, đất phù hợp với giấy chứng nhận, không có sửa chữa, thay đổi gì kể từ thời điểm thế chấp, hiện do Bà Nguyễn Thị T1 và Anh Phí Kim L sinh sống.

*Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 37/2019/KDTM-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân quận H đã xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Buộc Anh Đỗ Văn H và Chị Phí Hồng T có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 013/0491/HĐTD/GPB- SGD/2011 ngày 27/6/2011 tính đến hết ngày 27/11/2019 là: 7.600.501.407đồng (trong đó: nợ gốc 2.000.000.000đồng; lãi trong hạn: 325.503.043đồng; lãi quá hạn: 5.274.998.364 đồng).

Kể ngày 28/11/2019 Buộc Anh Đỗ Văn H và Chị Phí Hồng T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Trường hợp Anh Đỗ Văn H , Chị Phí Hồng T không trả được toàn bộ khoản nợ nêu trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án tiến hành xử lý tài sản bảo đảm là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, diện tích đất 40.30m<sup>2</sup> tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 7H-III-39, có địa chỉ tại P4-D2, tập thể V, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109072814 do UBND quận Đ , TP Hà Nội cấp ngày 25/3/2004, đứng tên ông Phí Kim M và Bà Nguyễn Thị T1 để thu hồi nợ.

Trong trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm thì các cá nhân, doanh nghiệp sinh sống, hoạt động trên tài sản thế chấp dưới mọi hình thức phải chuyển dọn đi để đảm bảo việc thi hành án

- Trường hợp Anh Đỗ Văn H , Chị Phí Hồng T trả được toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại giấy tờ nhà đất bản chính đã thế chấp tại Ngân hàng cho người thế chấp và làm thủ tục giải chấp ngay theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền phát mại không đủ thanh toán thì Anh Đỗ Văn H , Chị Phí Hồng T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

2.4 Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền Anh Đỗ Văn H , Chị Phí Hồng T còn nợ Ngân hàng thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản nợ được trả cho người thế chấp là Bà Nguyễn Thị T1 và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phí Kim M .

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với án sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị T1 kháng cáo đối với một phần bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét không xử lý tài sản là nhà của bà để trả nợ vì bà không vay tiền của Ngân hàng.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm: các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị T1 trình bày: bà vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, tài sản là quyền sử dụng đất và nhà ở là của bà, vợ chồng bà có ký vào hợp đồng thế chấp đăng ký giao dịch đảm bảo với mong muốn giúp con làm ăn, tạo điều kiện cho con nhưng thực tế ông bà không vay tiền, cầm tiền của ngân hàng nên đề nghị không xử lý tài sản của bà để trả nợ. Bà xác nhận đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho các con đến Tòa án nhưng các con người đi làm xa, người bận việc không đến được.

- Nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Bị đơn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: sau khi phân tích nội dung vụ án và kháng cáo của bà T1, ý kiến lời khai của nguyên đơn, tại phiên tòa hôm nay đã đề nghị sửa án sơ thẩm, bị đơn phải trả nợ gốc, chưa giải quyết yêu cầu đòi nợ lãi của nguyên đơn do các tài liệu cần thiết làm căn cứ để tính lãi phải trả của bị đơn, nguyên đơn không giao nộp. Về án phí, đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:*

*[1]. Về tố tụng:*

- Đơn kháng cáo của Bà Nguyễn Thị T1 trong thời hạn luật định.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bản án số 112/2016/DSPT ngày 30/6/2016 và Quyết định số 41/2017/QĐ-PT ngày 06/6/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân quận H.

Bị đơn là anh Anh Đỗ Văn H, Chị Phí Hồng T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt (anh H được tổng đạt trực tiếp, chị T được tổng đạt qua anh H và mẹ đẻ là bà T1). Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

*[2]. Về nội dung:*

Xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Bà Nguyễn Thị T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Ngày 27/6/2011, Anh Đỗ Văn H, Chị Phí Hồng T ký kết Hợp đồng tín dụng số 013/0491/HĐTD/GPB- SGD/2011 với Ngân hàng TMCP D (nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV D), khoản vay 2.000.000.000 đồng và đã được giải ngân cùng ngày.

Xét nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, phù hợp với nhu cầu của bên vay và điều kiện kinh doanh của bên cho vay. Thời điểm ký kết hợp đồng các bên hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp các quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng Anh Đỗ Văn H, Chị Phí Hồng T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, khoản nợ vay đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 15/11/2011 và

khởi kiện yêu cầu Anh Đỗ Văn H , Chị Phí Hồng T thanh toán toàn bộ khoản vay là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về lãi suất vay: Theo hợp đồng tín dụng số 013/0491/HĐTD/GPB-SGD/2011 ký ngày 27/6/2011 thì lãi suất cho vay được thỏa thuận: Lãi suất vay áp dụng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 23,5%/năm; lãi suất được điều chỉnh 01 tháng/1 lần vào ngày mùng 10 hàng tháng bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng cuối kỳ cộng (+) biên độ theo quy định của GPbank tại thời điểm điều chỉnh. Để có căn cứ xem xét yêu cầu về lãi suất của ngân hàng thì Tòa án đã có văn bản yêu cầu ngân hàng cung cấp các căn cứ để điều chỉnh lãi suất song đại diện của ngân hàng chỉ cung cấp các văn bản, các căn cứ để tính lãi suất đến tháng 6/2012, còn từ sau tháng 6/2012 đến khi xét xử sơ thẩm là tháng 11/2019 thì không cung cấp với lý do mức lãi suất áp dụng không thay đổi nên không có để cung cấp cho Tòa án. Về vấn đề này HĐXX phúc thẩm thấy: trên thực tế lãi suất tiết kiệm 12 tháng của các ngân hàng đều có thay đổi tùy theo nhu cầu của thị trường nên lời khai của đại diện ngân hàng trong vụ án là không có lý. Theo tài liệu Tòa án cấp phúc thẩm thu thập được thì vào các thời điểm năm 2014, 2016 ngân hàng là nguyên đơn trong vụ án này đều có các văn bản điều chỉnh lãi suất. Như vậy, yêu cầu của phía nguyên đơn đòi lãi những không xuất trình các tài liệu để chứng minh cho yêu cầu của mình mà Tòa án sơ thẩm không yêu cầu cung cấp đủ mà đã chấp nhận là không đúng nên HĐXX chưa chấp nhận yêu cầu này và giành quyền khởi kiện yêu cầu đòi nợ lãi đối với bị đơn trong vụ án khác khi Ngân hàng có yêu cầu và xuất trình đủ các tài liệu chứng cứ.

- Về hợp đồng thế chấp tài sản:

Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số công chứng số 011547/2011, quyền số 02TP/CC-SCC/HĐTHC ngày 23/6/2011 tại Văn phòng công chứng H , giữa bên thế chấp là ông Phí Kim M , Bà Nguyễn Thị T1, bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP D để bảo đảm khoản vay của Anh Đỗ Văn H , Chị Phí Hồng T tại Ngân hàng TMCP D đã thỏa thuận tài sản thế chấp là: Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 7H-III-39, có địa chỉ tại P4-D2, tập thể V, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109072814, do UBND quận Đ , TP Hà Nội cấp ngày 25/3/2004, đứng tên ông Phí Kim M và Bà Nguyễn Thị T1, diện tích đất 40.30m<sup>2</sup>. Hợp đồng thế chấp được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định nên có hiệu lực thi hành. Do vậy, kháng cáo của Bà T1 không đồng ý xử lý tài sản đảm bảo mà vợ chồng bà đã ký thế chấp và đề nghị trả lại Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất là không được chấp nhận.

Ông Phí Kim M chết ngày 30/3/2018 có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là: Bà Nguyễn Thị T1, Anh Phí Kim L , Chị Phí Thị Thanh H , Chị Phí Hồng T và có thể còn có một số người khác (do việc Bà T1 và các con không nộp đủ các giấy tờ, tài liệu mà Tòa án yêu cầu). Tòa án cấp sơ thẩm đã ra thông báo yêu cầu cung cấp lời khai, tài liệu, địa chỉ cư trú của người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông M nhưng Bà T1 và các đương sự trên không thực hiện. Xét thấy, theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc diện thừa kế chưa tìm được địa chỉ sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu. Mặt khác, di sản thừa kế của ông M chỉ

xác định được sau khi đã giải chấp hoặc sau khi nghĩa vụ thanh toán đã thực hiện xong và chia tài sản chung vợ chồng. Việc giải quyết xét xử vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng không làm thiệt hại đến quyền và lợi ích của người thừa kế của ông Phí Kim M .

Do đó, trường hợp Anh Đỗ Văn H , Chị Phí Hồng T không trả được toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị phát mại tài sản thế chấp theo thủ tục chung để thu hồi nợ như Toà án cấp sơ thẩm đã phân tích là có căn cứ.

Từ những phân tích, đánh giá trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

Kết luận của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên toà hôm nay phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên được chấp nhận.

[3]. *Về án phí phúc thẩm:* người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Án phí sơ thẩm được tính lại do chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và điểm a khoản 5 Điều 314 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35; 39; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 305, 342, 351, 355, 471, 474, 476, 715, 716, 717, 719, 721 Bộ luật dân sự năm 2005;

Áp dụng: Khoản 2 Điều 91; Khoản 2, 4 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016 của uỷ ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016

Sửa bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 37/2019/KDTM-ST ngày 27/11/2019 của Tòa án nhân dân quận H , thành phố Hà Nội.

**1.** Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP D (nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV D ).

1.1. Buộc Anh Đỗ Văn H và Chị Phí Hồng T phải trả nợ cho Ngân hàng TMCP D (nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV D) số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 013/0491/HĐTD/GPB- SGD/2011 ngày 27/6/2011 với số tiền nợ gốc là 2.000.000.000 đồng.

1.2. Chưa chấp nhận yêu cầu đòi nợ lãi của Ngân hàng thương mại TNHH MTV D do chưa xuất trình được các tài liệu liên quan đến việc điều chỉnh lãi suất. Giành quyền khởi kiện về số tiền nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 013/0491/HĐTD/GPB- SGD/2011 ngày 27/6/2011 ký kết giữa hai bên nêu trên cho Ngân hàng thương mại TNHH MTV D đối với anh Đỗ Văn H và Chị Phí Hồng T khi xuất trình được đủ tài liệu khởi kiện.

**2.** Trường hợp Anh Đỗ Văn H , Chị Phí Hồng T không trả hoặc trả không được toàn bộ khoản nợ nêu ở mục 1.1 thì Ngân hàng TMCP D (nay là Ngân hàng



thương mại TNHH MTV D) có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xử lý tài sản bảo đảm là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, diện tích đất 40.30m<sup>2</sup> tại thửa đất số 53, tờ bản đồ số 7H-III-39, có địa chỉ tại P4-D2, tập thể V, phường V, quận Đ, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109072814 do UBND quận Đ, TP Hà Nội cấp ngày 25/3/2004, đứng tên ông Phí Kim M và Bà Nguyễn Thị T1 để thu hồi nợ.

Trong trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm thì các thừa kế của ông Phí Kim M và các cá nhân, tổ chức sinh sống, hoạt động trên tài sản thế chấp dưới mọi hình thức phải chuyển dọn đi để đảm bảo việc thi hành án

**3.** Trường hợp Anh Đỗ Văn H, Chị Phí Hồng T trả được toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng TMCP D (nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV D) có trách nhiệm trả lại giấy tờ nhà đất bản chính đã thế chấp tại Ngân hàng cho người thế chấp và làm thủ tục giải chấp ngay theo quy định của pháp luật.

**4.** Trường hợp sau khi phát mại tài sản thế chấp, số tiền phát mại không đủ thanh toán thì Anh Đỗ Văn H, Chị Phí Hồng T phải có nghĩa vụ tiếp tục trả số tiền còn nợ cho Ngân hàng TMCP D (nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV D) đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền còn nợ.

**5.** Trường hợp số tiền phát mại tài sản thế chấp có giá trị lớn hơn số tiền Anh Đỗ Văn H, Chị Phí Hồng T còn nợ Ngân hàng TMCP D (nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV D) thì số tiền còn lại sau khi thanh toán khoản nợ được trả cho người thế chấp là Bà Nguyễn Thị T1 và người kế thừa (quyền, nghĩa vụ tố tụng) của ông Phí Kim M nếu thời điểm đó ngân hàng chưa khởi kiện đòi khoản nợ lãi.

**6. Về án phí kinh doanh thương mại:**

- Anh Đỗ Văn H và Chị Phí Hồng T phải chịu 72.000.000 đồng án phí sơ thẩm.

- Hoàn trả Ngân hàng TMCP D (nay là Ngân hàng thương mại TNHH MTV D) số tiền 56.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004094 ngày 25/12/2014 của Chi cục thi hành án dân sự quận H, Hà Nội.

- Bà Nguyễn Thị T1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 27/06/2020.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận H ;
- Chi cục THADS quận H ;
- Dương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Hoàng Minh Thành**

